

## HOSE

11/03/2014

VNINDEX 588.50 4.81 0.82%

KLGD 162,492,886 CP

GTGD 2,560.82 Tỷ

GTR NDTNN - 41.13 Tỷ

CP Tăng giá 133 CP

CP Giảm giá 97 CP

CP Đứng giá 74 CP



## Tâm điểm

▶ **Tiếp tục tăng điểm với thanh khoản được cải thiện**

▶ **Thanh khoản thị trường gia tăng nhẹ trở lại**

Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn tăng mạnh và đạt mức 3.600 tỷ đồng.

▶ **ANRPC: Việt Nam trở thành nước sản xuất cao su thứ ba thế giới**

Theo số liệu thống kê mới nhất của Hiệp hội Các nước SX Cao su Tự nhiên Thông tấn xã Việt Nam

▶ **Kim ngạch xuất khẩu dệt may có thể đạt 24.5 tỉ USD năm 2014**

Quý I năm 2014, kim ngạch xuất khẩu của dệt may VN có khả năng đạt 3.3 tỉ USD Lao Động

▶ **2 tháng đầu năm 2014, Việt Nam xuất siêu gần 3 tỷ USD vào thị trường Mỹ**

Mỹ là đối tác thương mại lớn thứ hai của Việt Nam trên thế giới, chỉ sau Trung Quốc Thời báo Ngân hàng

▶ **AGM: Lợi nhuận mục tiêu 2014 tăng trưởng tới 77%**

Theo đó, lợi nhuận sau thuế mục tiêu của AGM là trên 24 tỷ đồng Đầu tư Chứng khoán

▶ **VIS: Đạt kế hoạch lãi 20 tỷ đồng sau 2 năm liên tiếp thua lỗ**

Năm 2013, Công ty bị lỗ lớn lên đến 53.5 tỷ đồng Người Đồng Hành

## HNX

11/3/2014

HNXINDEX 83.64 0.83 1.01%

KLGD 116,276,825 CP

GTGD 1,111.93 Tỷ

GTR NDTNN - 2.89 Tỷ

CP Tăng giá 168 CP

CP Giảm giá 84 CP

CP Đứng giá 127 CP



## VN30 & HNX30 INDEX

VN30 661.61 5.81 0.89%

HNX30 167.13 1.21 0.73%

## Thị trường / Ngành

Vốn hóa (tỷ)

P/E

P/B

ROE

ROA

### Theo thị trường

Thị trường	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,028,931	14.0	3.0	22.2%	11.3%
HNX	130,227	20.4	1.7	9.0%	4.0%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,159,158</b>	<b>15.0</b>	<b>2.9</b>	<b>21.2%</b>	<b>10.6%</b>

### Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	8,257	7.2	1.0	15.8%	10.5%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	24,080	8.0	1.9	24.6%	18.2%
Thép và sản phẩm thép	33,405	17.2	1.9	17.6%	7.1%
Khai khoáng	12,602	46.2	4.9	3.8%	2.9%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,494	20.2	1.4	15.2%	8.9%
Xây dựng	32,467	43.1	1.2	2.1%	1.6%
Máy công nghiệp	9,430	9.2	1.5	21.6%	12.9%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,942	13.1	1.6	17.0%	12.3%
Lốp xe	6,988	8.7	2.4	30.2%	13.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	13,502	13.2	1.2	11.8%	5.6%
Thực phẩm	212,248	23.8	5.5	24.3%	18.3%
Dược phẩm	16,005	12.9	3.3	26.6%	17.2%
Phần mềm	17,775	10.9	2.4	23.7%	10.0%
Sản xuất & phân phối điện	23,352	7.7	1.3	19.1%	9.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	164,954	12.6	4.6	39.9%	25.2%
Bảo hiểm nhân thọ	32,322	29.5	2.7	9.0%	2.2%
Môi giới chứng khoán	24,371	22.7	1.4	7.3%	5.3%
Ngân hàng	264,882	11.8	1.4	11.6%	0.9%
Bất động sản	149,729	15.4	2.7	26.0%	6.3%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	35,270	9.3	1.9	21.3%	8.2%

## Thống kê thị trường

▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường

▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường

▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

### VietinBankSc

306 Ba Trieu

Hai Ba Trung

Hanoi

Vietnam

Tel: (844) 3974 7952

Fax: (844) 3974 1760

www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

**ANRPC: Việt Nam trở thành nước sản xuất cao su thứ ba thế giới**

**Kim ngạch xuất khẩu dệt may có thể đạt 24.5 tỉ USD năm 2014**

**2 tháng đầu năm 2014, Việt Nam xuất siêu gần 3 tỷ USD vào thị trường Mỹ**

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

**MPC: Năm 2014, đặt kế hoạch tăng 43% lợi nhuận**

**AGM: Lợi nhuận mục tiêu 2014 tăng trưởng tới 77%**

**VIS: Đặt kế hoạch lãi 20 tỷ đồng sau 2 năm liên tiếp thua lỗ**

## ► Tin kinh tế

Các số liệu thống kê mới nhất của Hiệp hội Các nước Sản xuất Cao su Tự nhiên (ANRPC) cho thấy năm 2013, sản lượng cao su của Việt Nam ước đạt 1.043 triệu tấn, tăng 20.8% so với năm trước đó. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, sản lượng cao su tự nhiên của Việt Nam vượt qua mốc 1 triệu tấn. Nhờ vậy, Việt Nam đã leo từ vị trí thứ 5 lên vị trí thứ 3 vượt qua Malaysia và Ấn Độ để trở thành nước sản xuất cao su tự nhiên lớn thứ ba thế giới. Cũng theo Số liệu của ANRPC, năm 2013, sản lượng của Việt Nam và Trung Quốc lại tăng một cách đáng ngạc nhiên.

Trong hai tháng đầu năm 2014, ngành dệt may VN xuất khẩu 2 tỉ USD, dự kiến trong tháng 3 sẽ xuất khẩu 1.3 tỉ USD. Kim ngạch xuất khẩu dệt may có thể đạt 24.5 tỉ USD năm 2014. Như vậy trong quý I, kim ngạch xuất khẩu của dệt may VN có khả năng đạt 3.3 tỉ USD, tăng 30% so với cùng kỳ năm 2013. Tăng trưởng khá trong kim ngạch xuất khẩu thời gian đầu năm không phải là sự đột biến, mà thể hiện kết quả của nỗ lực của ngành. Thị trường chính như Mỹ, EU, Nhật Bản... đều có tăng trưởng nhẹ nên đơn hàng dệt may về VN ổn định.

Theo ước tính sơ bộ của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam - Hoa Kỳ trong 2 tháng đầu năm 2014 ước đạt 4.9 tỷ USD, tăng mạnh 25,8% so với kết quả thực hiện của cùng kỳ năm 2013. Trong đó, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Hoa Kỳ dự kiến đạt 3.9 tỷ USD, tăng 26.5% và các DN Việt Nam nhập khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Hoa Kỳ đạt 936 triệu USD, tăng 22.4% so với 2 tháng đầu năm 2013. Như vậy, chỉ trong hai tháng đầu năm, Việt Nam đã xuất siêu gần 3 tỷ USD vào thị trường Mỹ.

## ► Tin doanh nghiệp

CTCP Tập đoàn thủy sản Minh Phú (HOSE: MPC) chuẩn bị kế hoạch kinh doanh cho ĐHCĐ thường niên tổ chức vào ngày 19/4 tới đây. Theo đó, MPC dự kiến sẽ xuất khẩu 550 triệu USD trong đó Minh Phú Cà Mau xuất khẩu 320 triệu USD còn Minh Phú Hậu Giang xuất 230 triệu USD. Theo kế hoạch, doanh thu thuần của MPC có thể đạt 11,715 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 421.74 tỷ đồng (tăng 43.53% so với năm 2013). Ngoài ra, trong năm 2014, Minh Phú sẽ phát hành 500 tỷ đồng trái phiếu không chuyển đổi để bổ sung nguồn vốn kinh doanh.

CTCP Xuất nhập khẩu An Giang – Angimex (HOSE: AGM) công bố Nghị quyết HĐQT về kế hoạch kinh doanh năm 2014. Theo đó, HĐQT AGM đã thông qua kế hoạch kinh doanh 2014 với doanh thu 2,084 tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2013. Lợi nhuận sau thuế mục tiêu là trên 24 tỷ đồng, tăng mạnh 77% so với thực hiện 2013. Mức cổ tức dự kiến là 10%. Năm 2014, AGM cũng dự chi hơn 68 tỷ đồng để đầu tư mới. Kế hoạch kinh doanh này sẽ được HĐQT AGM trình tại ĐHCĐ thường niên 2014 dự kiến tổ chức vào ngày 28/3 tới.

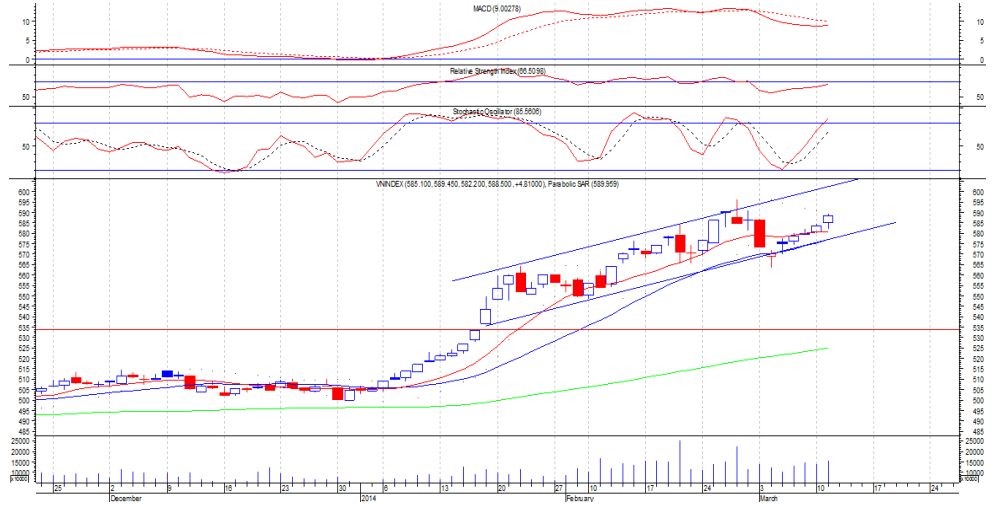
Năm 2013, CTCP Thép Việt Ý (HOSE: VIS) bị lỗ lớn 53.5 tỷ đồng. Bước sang năm 2014, VIS đánh giá thị trường thép đầu năm đã có nhiều tín hiệu tích cực nhờ một loạt chính sách và dự án luật được ban hành của Chính Phủ. Bên cạnh đó, kể từ 1/1/2014, Bộ Công thương đã bắt buộc áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép làm cốt bê tông tạo rào cản đối với thép rẻ nhập từ Trung Quốc. Trong năm 2013 dư nợ vay vốn dài hạn đầu tư TSCĐ đã giảm mạnh và lãi suất cho vay trên thị trường cũng duy trì ổn định. Điều này giúp cho chi phí tài chính giảm đáng kể trong thời gian tới. Trước những thuận lợi này, VIS dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 gồm doanh thu 3,067 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 20.26 tỷ đồng.

**HOSE** 11/03/2014 VNINDEX 588.50 4.81 0.82% 162,492,886 CP 2,560.82 bil VND

### Tăng điểm với thanh khoản được cải thiện

VN-Index tăng 4.81 điểm (+0.82%), đóng cửa tại mức 588.50 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, tăng điểm, thân nến dài vừa phải, đây là phiên tăng điểm thứ 5 liên tiếp của VN-Index.

- Tín hiệu MACD Histogram dừng đà giảm và có dấu hiệu quay đầu trở lại.
- Stochastic Oscillator gia tăng mạnh và đi sâu vào vùng quá mua.
- RSI (14) tăng nhẹ lên mức 65.
- DI+, DI- gia tăng độ rộng trở lại.
- Nhiều khả năng chỉ báo Parabolic SAR sẽ cho tín hiệu mua vào ngày mai.



### HOSE Top 5 theo KLGD

ITA	0.2 (2.3%)	9,456,540
FLC	0.1 (0.7%)	7,606,580
OGC	0.3 (2.4%)	7,292,990
HQC	-0.1 (-1.1%)	6,182,550
HAG	0.3 (1.1%)	4,491,500

### HOSE Top 5 theo % tăng

ASIAGF	0.6 (7.0%)	30
VOS	0.3 (7.0%)	2,394,270
EVE	1.8 (6.9%)	3,270
BGM	0.3 (6.8%)	1,911,560
UDC	0.5 (6.8%)	805,220

### HOSE Top 5 theo % giảm

STG	-1.9 (-6.8%)	850
GTT	-0.8 (-6.7%)	34,750
CMT	-0.7 (-6.3%)	25,530
PTC	-0.4 (-5.8%)	34,420
HLG	-0.3 (-5.6%)	220

### HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

HAG	15,2 tỷ	567,100
GAS	12,6 tỷ	149,280
PVD	4,4 tỷ	55,900
SZL	3,9 tỷ	142,610
PPC	3,6 tỷ	146,300

### HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

OGC	-18,2 tỷ	1,413,240
KBC	-16,2 tỷ	1,253,710
HVG	-13,2 tỷ	475,190
PET	-8,3 tỷ	373,530
DPM	-5,7 tỷ	128,580

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-3,535,950	- 41.13

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường tiếp tục duy trì được sự hưng phấn, nhóm cổ phiếu đầu cơ và ngành khoáng sản tiếp tục tăng trần giúp đà tăng lan rộng.
- ▶ Khối lượng tiếp tục gia tăng và đạt 158 triệu đơn vị khớp lệnh. Vượt mốc bình quân 20P. Tâm lý NĐT đang tỏ ra khá hưng phấn.
- ▶ Nhiều khả năng VN-Index sẽ chinh phục lại ngưỡng đỉnh cũ, khi đó lực chốt lời sẽ xuất hiện khá nhiều. Dự báo sự rung lắc mạnh sẽ xuất hiện.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục đà bán ròng phiên hôm nay. Lực bán ròng có thể sẽ còn xuất hiện nhiều trong thời gian tới, vì vậy điều này sẽ tác động xấu tới TT chung.
- ▶ NĐT có thể tiếp tục mua thêm hàng đã sẵn có nếu thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức cao. Tránh mua đuổi giá. Cần nhắc chốt lời lượng hàng về tài khoản.

### HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	85.0	161,075.00	12.8	4.7	40.8%	25.9%
VNM	833.5	140.0	116,685.39	17.9	6.7	39.6%	30.7%
MSN	734.9	99.0	72,756.22	160.3	4.8	3.0%	1.0%
VCB	2,317.4	31.1	72,071.67	16.4	1.7	10.3%	1.0%
VIC	908.8	75.0	68,157.20	10.2	3.9	47.7%	10.3%
CTG	3,723.4	17.0	63,297.88	9.4	1.2	13.2%	1.1%
BID	2,811.2	16.6	46,665.96	10.8	1.5	13.8%	0.8%
BVH	680.5	49.8	33,887.48	29.5	2.7	9.0%	2.2%
STB	1,142.5	20.5	23,421.49	10.5	1.4	14.5%	1.4%
PVD	275.3	79.5	21,883.02	10.4	2.2	22.3%	9.3%

### HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	14.8	3,442.48	14.5	1.2	NA	TH.DOI
PPC	318.2	24.6	7,826.60	4.8	1.4	NA	TH.DOI
PHR	78.5	31.3	2,456.74	6.7	1.2	NA	TH.DOI
BMP	45.5	77.0	3,501.84	9.2	2.3	NA	TH.DOI
VSC	28.6	70.5	2,019.55	8.2	2.2	NA	TH.DOI
DPM	379.9	44.2	16,793.09	7.6	1.8	NA	TH.DOI

**HNX** 11/03/2014 HNX-Index 83.64 0.83 1.01% 116,276,825 CP 1,111.93 bil. VND

### Tăng điểm với thanh khoản được cải thiện

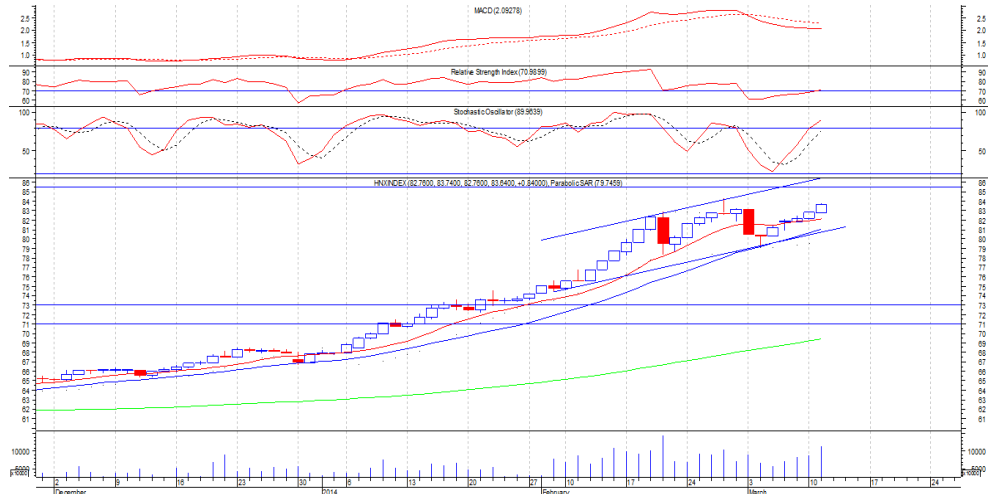
Chỉ số HNX-Index tăng 0.83 điểm (+1.01%), đóng cửa tại mốc 83.64 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, thân nến dài, tăng điểm tích cực, đây là mức điểm đóng cửa cao nhất trong năm 2014.

- MA10, MA20 tăng nhẹ trở lại. Đường giá đã duy trì trên 2 đường MA10 và MA20. Đây là chỉ báo khá quan trọng.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng khá mạnh và đi sâu vào ngưỡng quá mua.

- MACD dừng đà giảm và có dấu hiệu tăng trở lại.

- RSI (14) tăng nhẹ lên mức 71.



### HNX Top 5 theo KLGD

PVX	0.4 (8.5%)	20,402,380
SHB	0 (0.0%)	7,984,130
KLS	-0.1 (-0.8%)	7,279,430
SCR	-0.1 (-1.1%)	6,944,530
VCG	0.5 (3.3%)	4,859,230

### HNX Top 5 theo % tăng

DST	0.5 (10.0%)	100
PTM	0.5 (10.0%)	500
VFR	0.8 (10.0%)	74,300
VGP	2 (10.0%)	10,970
SAF	4.2 (9.9%)	2,740

### HNX Top 5 theo % giảm

HBE	-0.9 (-10.0%)	600
PDC	-0.6 (-10.0%)	10,800
FDT	-3.9 (-10.0%)	100
VLA	-1.4 (-9.9%)	1,600
CKV	-1.2 (-9.8%)	7,800

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

KLS	3,1 tỷ	246,700
SDT	1,9 tỷ	107,600
SHB	1,9 tỷ	199,700
LAS	1,4 tỷ	30,000
PHH	0,8 tỷ	104,500

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVS	-8,8 tỷ	312,700
VND	-5,5 tỷ	339,900
HDO	-0,6 tỷ	103,000
NET	-0,2 tỷ	4,400
HPC	-0,2 tỷ	40,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	72,558	- 2.89

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường tiếp tục duy trì được sự hưng phấn, nhóm cổ phiếu đầu cơ và ngành khoáng sản tiếp tục tăng điểm giúp HNX-Index vượt đỉnh cũ.
- ▶ Khối lượng gia tăng mạnh và đạt 114 triệu đơn vị khớp lệnh. Vượt ngưỡng bình quân 20P. Tâm lý NĐT đang khá hưng phấn.
- ▶ Áp lực chốt lời sẽ xuất hiện trong những phiên tới. Dự báo rung lắc mạnh có thể xuất hiện.
- ▶ Khối ngoại bán ròng nhẹ phiên hôm nay. Lực bán ròng có thể sẽ còn xuất hiện nhiều trong thời gian tới, vì vậy điều này sẽ tác động xấu tới TT chung.
- ▶ NĐT có thể tiếp tục mua thêm hàng đã sẵn có nếu thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức cao. Tránh mua đuổi giá. Cần nhắc chốt lời lượng hàng về tài khoản.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	921.5	16.5	15,205.00	18.6	1.2	6.6%	0.5%
PVS	446.7	28.2	12,596.95	7.7	1.5	21.0%	6.7%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	415.6	6.4	-1.5%	-1.2%
SHB	886.1	9.3	8,240.58	10.9	0.8	7.6%	0.6%
VCG	441.7	15.7	6,934.86	12.3	1.2	10.1%	2.1%
OCH	200.0	32.0	6,400.00	34.2	2.9	8.1%	3.6%
PVI	225.4	18.8	4,237.79	12.8	0.7	5.4%	2.9%
LAS	77.8	48.0	3,735.94	8.4	2.7	34.3%	16.1%
NTP	43.3	68.4	2,964.32	10.1	2.4	24.8%	16.7%
VNR	100.8	27.0	2,722.35	8.9	1.1	12.7%	6.9%

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	36.6	1,390.80	7.7	1.5	NA	TH.DOI
AAA	19.8	25.7	508.86	8.8	0.9	NA	TH.DOI
VND	96.9	16.0	1,550.98	13.0	1.3	NA	TH.DOI
NTP	43.3	68.4	2,964.32	10.1	2.4	NA	TH.DOI
LHC	2.0	70.0	140.00	3.6	1.3	NA	TH.DOI
DXP	7.9	51.5	405.56	7.5	1.8	NA	TH.DOI

## FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	72,756.22	15.35%	99.0	160.30	4.82	299,991	275,664	291,582
VIC	HOSE	908.8	68,157.20	14.46%	75.0	10.23	3.86	200,326	217,291	222,081
HPG	HOSE	419.1	20,910.72	11.74%	49.9	10.46	2.15	551,571	502,238	541,082
PVD	HOSE	275.3	21,883.02	8.68%	79.5	10.44	2.16	398,805	376,502	391,722
DPM	HOSE	379.9	16,793.09	8.01%	44.2	7.60	1.81	675,365	814,543	628,716
HAG	HOSE	718.2	19,390.18	7.98%	27.0	19.47	1.48	5,759,668	6,082,869	3,632,487
VCB	HOSE	2,317.4	72,071.67	6.11%	31.1	16.40	1.66	1,087,585	944,961	985,359
STB	HOSE	1,142.5	23,421.49	4.13%	20.5	10.51	1.39	1,574,891	1,069,305	615,684
BVH	HOSE	680.5	33,887.48	3.08%	49.8	29.50	2.67	393,037	433,502	466,382
ITA	HOSE	718.1	6,390.87	2.71%	8.9	118.54	0.81	11,044,891	10,682,243	7,764,699
HSG	HOSE	96.3	5,634.32	2.68%	58.5	10.05	2.42	430,642	375,626	342,634
GMD	HOSE	114.4	4,164.95	2.26%	36.4	28.86	0.90	298,830	481,563	480,513
PPC	HOSE	318.2	7,826.60	2.03%	24.6	4.78	1.44	919,180	1,146,412	1,338,936
VSH	HOSE	206.2	3,279.24	1.74%	15.9	16.03	1.24	633,530	963,099	1,052,918
CSM	HOSE	67.3	2,846.45	1.64%	42.3	7.76	2.30	643,414	739,303	721,831
KBC	HOSE	289.8	3,737.91	1.48%	12.9	54.13	0.92	1,505,270	1,768,663	1,267,556
DRC	HOSE	83.1	3,671.86	1.33%	44.2	9.72	2.64	369,535	471,283	373,302
PVT	HOSE	232.6	3,442.48	1.18%	14.8	14.52	1.22	2,914,272	3,330,609	2,462,930
DIG	HOSE	143.0	2,416.63	1.01%	16.9	53.77	1.03	831,915	1,169,096	923,510
OGC	HOSE	300.0	3,840.00	0.91%	12.8	35.48	1.15	3,126,654	3,288,467	2,225,761
PET	HOSE	69.8	1,522.56	0.87%	21.8	9.79	1.26	983,059	1,268,174	825,108

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

## Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	12,596.95	8.04%	28.2	7.68	1.49	1,863,180	2,356,316	2,092,625
VIC	HOSE	908.8	68,157.20	7.80%	75.0	10.23	3.86	200,326	217,291	222,081
VCB	HOSE	2,317.4	72,071.67	7.65%	31.1	16.40	1.66	1,087,585	944,961	985,359
BVH	HOSE	680.5	33,887.48	7.23%	49.8	29.50	2.67	393,037	433,502	466,382
DPM	HOSE	379.9	16,793.09	6.97%	44.2	7.60	1.81	675,365	814,543	628,716
STB	HOSE	1,142.5	23,421.49	5.98%	20.5	10.51	1.39	1,574,891	1,069,305	615,684
PVD	HOSE	275.3	21,883.02	5.04%	79.5	10.44	2.16	398,805	376,502	391,722
ITA	HOSE	718.1	6,390.87	3.72%	8.9	118.54	0.81	11,044,891	10,682,243	7,764,699
SHB	HNX	886.1	8,240.58	3.47%	9.3	10.89	0.80	10,911,972	11,325,898	6,628,259
PPC	HOSE	318.2	7,826.60	3.38%	24.6	4.78	1.44	919,180	1,146,412	1,338,936
OGC	HOSE	300.0	3,840.00	2.85%	12.8	35.48	1.15	3,126,654	3,288,467	2,225,761
GMD	HOSE	114.4	4,164.95	2.66%	36.4	28.86	0.90	298,830	481,563	480,513
HPG	HOSE	419.1	20,910.72	2.60%	49.9	10.46	2.15	551,571	502,238	541,082
HAG	HOSE	718.2	19,390.18	2.25%	27.0	19.47	1.48	5,759,668	6,082,869	3,632,487
DRC	HOSE	83.1	3,671.86	1.93%	44.2	9.72	2.64	369,535	471,283	373,302
VCG	HNX	441.7	6,934.86	1.85%	15.7	12.32	1.19	4,769,733	5,543,427	3,235,001
PVX	HNX	400.0	2,040.00	0.00%	5.1	- 0.89	2.33	11,389,485	11,949,448	9,036,510

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

## MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	908.8	68,157.20	0.00%	75.0	10.23	3.86	200,326	217,291	222,081
MSN	HOSE	734.9	72,756.22	0.00%	99.0	160.30	4.82	299,991	275,664	291,582
DPM	HOSE	379.9	16,793.09	0.00%	44.2	7.60	1.81	675,365	814,543	628,716
HAG	HOSE	718.2	19,390.18	0.00%	27.0	19.47	1.48	5,759,668	6,082,869	3,632,487
VCB	HOSE	2,317.4	72,071.67	0.00%	31.1	16.40	1.66	1,087,585	944,961	985,359
STB	HOSE	1,142.5	23,421.49	0.00%	20.5	10.51	1.39	1,574,891	1,069,305	615,684
BVH	HOSE	680.5	33,887.48	0.00%	49.8	29.50	2.67	393,037	433,502	466,382
CTG	HOSE	3,723.4	63,297.88	0.00%	17.0	9.35	1.17	1,810,394	1,550,336	983,107
GAS	HOSE	1,895.0	161,075.00	0.00%	85.0	12.78	4.73	356,949	433,063	434,193

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Royal Bank of Scotland**  
**MSCI Frontier Markets Index**

Ngày lập quỹ  
Ngày lập chỉ số

**19/09/2011**  
**30/11/2007**

SLCKVN  
TGTTSQL

**9/142**  
**22.25 mil.**

## iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	72,756.22	0.81%	99.0	160.30	4.82	299,991	275,664	291,582
VIC	HOSE	908.8	68,157.20	0.55%	75.0	10.23	3.86	200,326	217,291	222,081
DPM	HOSE	379.9	16,793.09	0.26%	44.2	7.60	1.81	675,365	814,543	628,716
VCB	HOSE	2,317.4	72,071.67	0.20%	31.1	16.40	1.66	1,087,585	944,961	985,359
STB	HOSE	1,142.5	23,421.49	0.14%	20.5	10.51	1.39	1,574,891	1,069,305	615,684
BVH	HOSE	680.5	33,887.48	0.10%	49.8	29.50	2.67	393,037	433,502	466,382

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**iShares**  
**MSCI Frontier 100 Index**

Ngày lập quỹ  
Ngày lập chỉ số

**12/09/2012**  
**30/11/2007**

SLCKVN  
TGTTSQL

**6/102**  
**519.45 mil.**

## iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**iShares**  
**MSCI VN Investable Market Indx**

Ngày lập quỹ  
Ngày lập chỉ số

**01/12/2010**

SLCKVN  
TGTTSQL

**4,752.96 mil.**

<b>Chỉ số bình quân ngành</b>	<b>Vốn hóa (tỷ)</b>	<b>P/E</b>	<b>P/B</b>	<b>ROE</b>	<b>ROA</b>
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	8,257	7.2	1.0	15.8%	10.5%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	24,080	8.0	1.9	24.6%	18.2%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,738	25.9	0.8	2.2%	1.6%
Sản xuất giấy	803	8.9	0.8	10.4%	5.2%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	33,405	17.2	1.9	17.6%	7.1%
Khai khoáng					
Khai thác than	2,128	5.3	0.9	17.3%	3.9%
Khai khoáng	12,602	46.2	4.9	3.8%	2.9%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,494	20.2	1.4	15.2%	8.9%
Xây dựng	32,467	- 43.1	1.2	2.1%	1.6%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,480	8.3	1.2	18.5%	9.9%
Công nghiệp phức hợp	482	5.2	1.0	20.3%	14.2%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,770	10.8	1.0	8.4%	4.5%
Thiết bị điện	1,558	- 12.2	0.6	-0.8%	-1.2%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	44	25.1	0.6	2.4%	1.6%
Máy công nghiệp	9,430	9.2	1.5	21.6%	12.9%
Vận tải					
Vận tải thủy	7,938	- 3.3	0.9	9.1%	1.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,942	13.1	1.6	17.0%	12.3%
Dịch vụ vận tải	5,210	10.3	1.4	16.0%	9.9%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	2,064	10.5	1.2	12.4%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	250	58.1	0.7	4.1%	1.6%
Nhà cung cấp thiết bị	196	8.6	0.9	11.0%	4.8%
Chất thải & Môi trường	117	2.0	0.6	39.3%	19.0%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,106	23.5	1.6	16.6%	8.4%
Lốp xe	6,988	8.7	2.4	30.2%	13.8%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,571	8.0	1.3	15.8%	9.6%
Vang & Rượu mạnh	239	11.0	1.8	17.9%	12.9%
Đồ uống & giải khát	265	7.3	1.3	15.2%	10.1%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	13,502	13.2	1.2	11.8%	5.6%
Thực phẩm	212,248	23.8	5.5	24.3%	18.3%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	60	117.3	0.8	0.6%	0.5%
Thiết bị gia dụng	2,411	9.2	1.1	12.6%	5.7%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	160	4.1	1.4	30.7%	21.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,129	8.2	1.6	19.7%	7.4%
Giày dép	6	1.9	0.2	12.3%	6.3%
Hàng cá nhân	5,157	10.4	1.8	17.4%	9.4%
Thuốc lá					
Thuốc lá	733	- 5.8	1.1	-1.0%	3.7%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Y tế</b>					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,040	24.0	1.1	5.1%	2.8%
Dụng cụ y tế	132	3.5	1.6	31.7%	12.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	166	10.7	1.1	10.0%	6.6%
Dược phẩm	16,005	12.9	3.3	26.6%	17.2%
<b>Bán lẻ</b>					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	312	42.3	1.0	2.3%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	661	18.5	1.1	12.0%	7.9%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,743	10.3	1.7	19.2%	3.2%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,098	8.4	1.0	14.0%	9.0%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	117	8.6	2.6	35.0%	15.7%
Khách sạn	6,787	37.1	2.8	7.7%	3.5%
Dịch vụ giải trí	1,946	18.3	1.6	14.2%	12.4%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,271	21.3	2.4	17.1%	14.8%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	58	13.6	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	619	20.4	0.8	3.5%	1.3%
Internet	296	62.4	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,775	10.9	2.4	23.7%	10.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	371	12.5	0.6	4.6%	1.7%
Thiết bị văn phòng	254	5.1	1.0	20.4%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,453	14.9	0.8	5.2%	4.0%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	23,352	7.7	1.3	19.1%	9.2%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	164,954	12.6	4.6	39.9%	25.2%
Nước	1,126	6.0	1.1	18.5%	13.4%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,341	11.1	0.9	8.1%	3.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,751	11.8	0.7	6.4%	3.3%
Tái bảo hiểm	2,682	8.9	1.1	12.7%	6.9%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	32,322	29.5	2.7	9.0%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,750	35.5	1.2	3.2%	0.9%
Môi giới chứng khoán	24,371	22.7	1.4	7.3%	5.3%
Ngân hàng					
Ngân hàng	264,882	11.8	1.4	11.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	149,729	15.4	2.7	26.0%	6.3%
Tur Vốn, Định giá, Môi giới Bất động sản	4	124.0	0.4	0.3%	0.1%
<b>Dầu khí</b>					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	35,270	9.3	1.9	21.3%	8.2%



- |                           |  |                          |  |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ <b>Nguyễn Hữu Quang</b> | <b>Giám đốc Tư vấn Đầu tư</b><br>quangnh@vietinbanksc.com.vn   |                          |  |
| ▶ <b>Nguyễn Quang Sắc</b> | sacnq@vietinbanksc.com.vn<br>- Tổng hợp thông tin vĩ mô<br>- Phân tích kỹ thuật<br>- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ <b>Nguyễn Thu Hằng</b> | hangntt@vietinbanksc.com.vn<br>- Ngân hàng<br>- Thép và sản phẩm thép<br>- Dược phẩm               |
| ▶ <b>Nguyễn Hoài Nam</b>  | namnh@vietinbanksc.com.vn<br>- Sản phẩm hóa dầu<br>- Phân phối xăng dầu, khí đốt<br>- Thiết bị và dịch vụ dầu khí    | ▶ <b>Vũ Ánh Nguyệt</b>   | nguyetva@vietinbanksc.com.vn<br>- Nhựa, cao su, sợi<br>- Thực phẩm<br>- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.